

UBND XÃ TRƯỜNG TÂN **Biểu mẫu 01**
TỔNG HỢP ĐỐI TƯỢNG VÀ KINH PHÍ CHI QUÀ TẾT NGUYÊN ĐÁN BÌNH NGỌ 2026 THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 41/2025/NQ-HĐND NGÀY 10/12/2025
CỦA HĐND THÀNH PHỐ

(Kèm theo báo cáo số: BC-UBND ngày 14 tháng 04 năm 2026 của UBND xã Trường Tân)

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Địa chỉ thường trú (Thôn/Tổ dân phố)	Nơi công tác trước khi nghỉ hưu	Chức danh/Chức vụ, quân hàm... trước khi nghỉ hưu/ Danh hiệu	Nhóm đối tượng được tặng quà (Theo Nghị quyết 41)	Mức quà tặng (VNĐ)	Ghi chú
I	Nhóm A4 = 02							
1	Đoàn Quý	1947	Cao Duệ	PBT TT đảng ủy huyện	PBT TT đảng ủy huyện	A4	4,000,000	
2	Phạm Thị Cộing	1933	Minh Tân	PCT Hội phụ nữ tỉnh Hải Dương	PCT Hội phụ nữ tỉnh Hải Dương	A4	4,000,000	
II	Nhóm A5 = 02							
1	Nguyễn Trọng Thùy	1958	Côi Thượng	TVHU, Trưởng ban dân vận huyện ủy	TVHU, Trưởng ban dân vận huyện ủy	A5	3,000,000	
2	Phạm Đăng Tăng	1961	An Cư 2	UV BTV, chi huy trưởng QS huyện	UV BTV, chi huy trưởng QS huyện	A5	3,000,000	
II	Nhóm C4 = 01							
1	Phạm Văn Hà	1968	Cao Duệ	Đại tá, Phó chi huy trưởng QS huyện	BCHQS huyện Thanh Miện	C4	650,000	
III	Nhóm D1 = 01							

1	Phạm Quốc Tụ	1922	Hậu Bông			D1	2,000,000	
IV	Nhóm D2 = 19							
1	Nguyễn Đức Diện	1928	Côi Thượng			D2	1,000,000	
2	Trần Văn Hồng	1932	Côi Thượng			D2	1,000,000	
3	Trần Thị Phương	1927	Côi Thượng			D2	1,000,000	
4	Phạm Văn Cừ	1930	Côi Thượng			D2	1,000,000	
5	Hoàng Xuân Linh	1927	Nam Cầu 1			D2	1,000,000	
6	Trịnh Xuân Khiêm	1930	Thị Đức			D2	1,000,000	
7	Nguyễn Bách Tài	1937	Thị Đức			D2	1,000,000	
8	Phạm Thanh Giang	1935	An Cư 2			D2	1,000,000	
9	Phạm Văn Hương	1933	An Cư 2			D2	1,000,000	
10	Phạm Thanh Cừ	1939	An Vệ			D2	1,000,000	
12	Phạm Văn Phao	1934	Hậu Bông			D2	1,000,000	
13	Phạm Thị Thán	1932	Hậu Bông			D2	1,000,000	
14	Phạm Trung Giã	1938	Hậu Bông			D2	1,000,000	
15	Nguyễn Văn Hiệp	1937	Đông Cầu			D2	1,000,000	
V	Nhóm D3 = 151							
1	Vương Thị Nhung	1931	Quang Bị			D3	800,000	
2	Đỗ Văn Sứ	1936	Quang Bị			D3	800,000	
3	Dương Thanh Tùng	1949	Quang Bị			D3	800,000	
4	Hà Thị Tâm	1936	Côi Thượng			D3	800,000	
5	Vũ Văn Bảy	1940	Côi Thượng			D3	800,000	
6	Nguyễn Văn Duyệt	1940	Côi Thượng			D3	800,000	
7	Nguyễn Đức Tấu	1935	Côi Thượng			D3	800,000	
8	Nguyễn Thị Ngoan	1940	Côi Thượng			D3	800,000	
9	Nguyễn Thị Từ	1940	Côi Hạ			D3	800,000	
10	Nguyễn Đức Tuyển	1940	Côi Hạ			D3	800,000	
11	Hoàng Thị Hiến	1935	Nam cầu 1			D3	800,000	
12	Nguyễn Thị Nhật	1940	Nam cầu 1			D3	800,000	
13	Phùng Quang Sự	1945	Nam cầu 1			D3	800,000	
14	Nguyễn Văn Dền	1939	Nam cầu 1			D3	800,000	
15	Phạm Thị Là	1949	Nam cầu 1			D3	800,000	
16	Phùng Danh Nhự	1945	Nam Cầu 2			D3	800,000	
17	Phùng Danh Nghìn	1936	Nam Cầu 2			D3	800,000	
18	Phùng Danh Chuyên	1947	Nam Cầu 2			D3	800,000	
19	Phùng Danh Bột	1940	Nam Cầu 2			D3	800,000	
20	Vũ Duy Nét	1947	Cao Duệ			D3	800,000	

21	Đoàn Thạch Cương	1949	Cao Duệ			D3	800,000	
22	Nguyễn Thị Chạnh	1943	Cao Duệ			D3	800,000	
23	Nguyễn Xuân Sầm	1941	Cao Duệ			D3	800,000	
24	Nguyễn Thị Nhũn	1937	Cao Duệ			D3	800,000	
25	Nguyễn Văn Ngật	1933	Cao Duệ			D3	800,000	
26	Nguyễn Thị Nhọt	1948	Cao Duệ			D3	800,000	
27	Phạm Ngọc Kim	1940	Cao Duệ			D3	800,000	
28	Nguyễn Vũ Trụ	1941	Cao Duệ			D3	800,000	
29	Nguyễn Văn Thiệu	1936	Cao Duệ			D3	800,000	
30	Đào Văn Giao	1932	Cao Duệ			D3	800,000	
31	Đỗ Thị Sái	1934	Cao Duệ			D3	800,000	
32	Nguyễn Thị Xuân	1949	Cao Duệ			D3	800,000	
33	Nguyễn Hải Đào	1946	Cao Duệ			D3	800,000	
34	Ngô Quang Cảnh	1945	Cao Duệ			D3	800,000	
35	Nguyễn Duy Hiền	1947	Cao Duệ			D3	800,000	
36	Mai Văn Tuyển	1945	Cao Duệ			D3	800,000	
37	Phạm Ngọc Thảng	1941	Cao Duệ			D3	800,000	
38	Phạm Văn Sánh	1948	Cao Duệ			D3	800,000	
39	Phạm Thị Bằng	1949	Cao Duệ			D3	800,000	
40	Đỗ Thị Nội	1940	Cao Duệ			D3	800,000	
41	Nguyễn Thị Chén	1949	Cao Duệ			D3	800,000	
42	Nguyễn Thị Hòa	1942	Cao Duệ			D3	800,000	
43	Lưu Thị Tuyn	1934	Cao Duệ			D3	800,000	
44	Trịnh Thị Nữ	1936	Thị Nữ			D3	800,000	
45	Phan Thị Hoa	1945	Thị Nữ			D3	800,000	
46	Nguyễn Thị Thuần	1939	Thị Nữ			D3	800,000	
47	Trịnh Xuân Nghiễn	1945	Thị Nữ			D3	800,000	
48	Nguyễn Thị Vang	1940	Thị Nữ			D3	800,000	
49	Nguyễn Đức Kiểm	1950	Đôn Thư			D3	800,000	
50	Lê Thanh Hải	1949	Đôn Thư			D3	800,000	
51	Nguyễn Đình Tuyển	1949	Đôn Thư			D3	800,000	
52	Nguyễn Văn Huấn	1951	Đôn Thư			D3	800,000	
53	Trương Thị Miêu	1944	An Thư			D3	800,000	
54	Vũ Đình Đồi	1935	An Thư			D3	800,000	
55	Trương Đức Thiệu	1941	An Thư			D3	800,000	
56	Nguyễn Văn Vượng	1944	Vĩnh Duệ			D3	800,000	
57	Lã Thị Lộc	1945	Vĩnh Duệ			D3	800,000	
58	Lã Thị Sáu	1940	Vĩnh Duệ			D3	800,000	

59	Nguyễn Thị Dịu	1948	Vĩnh Duệ			D3	800,000	
60	Nguyễn Văn Ngân	1946	Vĩnh Duệ			D3	800,000	
61	Phùng Thị Chút	1942	Quang Tiền			D3	800,000	
62	Phạm Văn Hồng	1946	Quang Tiền			D3	800,000	
63	Hoàng Đức Khải	1948	Quang Tiền			D3	800,000	
64	Bùi Xuân Tạo	1937	Đông Trại			D3	800,000	
65	Phạm Văn Thang	1945	An Thư			D3	800,000	
66	Vũ Thị Luật	1940	Đông Thượng			D3	800,000	
67	Phạm Đăng Mai	1937	An Cư 1			D3	800,000	
68	Phạm Quang Vinh	1947	An Cư 1			D3	800,000	
69	Nguyễn Thị Năm	1944	An Cư 1			D3	800,000	
70	Vũ Văn Kệ	1939	An Cư 1			D3	800,000	
71	Phạm Đắc Hưu	1947	An Cư 1			D3	800,000	
72	Phạm Thị Dẻo	1940	An Cư 1			D3	800,000	
73	Phạm Văn Bảy	1937	An Cư 1			D3	800,000	
74	Phạm Thị Hải	1942	An Cư 1			D3	800,000	
75	Phạm Đắc Hoan	1931	An Cư 1			D3	800,000	
76	Trần Văn Tân	1940	An Cư 1			D3	800,000	
77	Phạm Văn Cần	1946	An Cư 2			D3	800,000	
78	Mai Xuân Trãi	1940	An Cư 2			D3	800,000	
79	Phạm Văn Dọc	1947	An Cư 2			D3	800,000	
80	Phạm Hồng Xuân	1940	An Cư 2			D3	800,000	
81	Đỗ Xuân Mai	1942	An Cư 2			D3	800,000	
82	Phạm Văn Khanh	1941	An Cư 2			D3	800,000	
83	Phạm Quý Trác	1938	An Cư 2			D3	800,000	
84	Nguyễn Thị Mái	1940	An Vệ			D3	800,000	
85	Nguyễn Thị Thanh Mai	1949	An Vệ			D3	800,000	
86	Phạm Văn Triết	1947	Thọ Xương			D3	800,000	
87	Phạm Thị Lào	1947	Thọ Xương			D3	800,000	
88	Phạm Thị Viêt	1942	Thọ Xương			D3	800,000	
89	Phạm Thị Hòa	1947	Thọ Xương			D3	800,000	
90	Phạm Thanh Hùng	1947	Hậu Bông			D3	800,000	
91	Phạm Sỹ Ân	1935	Hậu Bông			D3	800,000	
92	Phạm Thị Thơi	1946	Hậu Bông			D3	800,000	
93	Phạm Văn Chuyên	1937	Hậu Bông			D3	800,000	
94	Tạ Thị Yêm	1939	Hậu Bông			D3	800,000	
95	Phạm Văn Ngẫu	1941	Hậu Bông			D3	800,000	
96	Nguyễn Thị Tươi	1948	Hậu Bông			D3	800,000	

97	Phạm Hữu Sự	1942	Hậu Bông			D3	800,000	
98	Phạm Đình Hánh	1947	Hậu Bông			D3	800,000	
99	Phạm Thị Chải	1932	Hậu Bông			D3	800,000	
100	Phạm Ngọc Đình	1948	Hậu Bông			D3	800,000	
101	Phạm Văn Đình	1943	Hậu Bông			D3	800,000	
102	Phạm Thị Lách	1951	Hậu Bông			D3	800,000	
103	Phạm Công Đồng	1948	Minh Tân			D3	800,000	
104	Nguyễn Công Diễm	1936	Minh Tân			D3	800,000	
105	Phạm Văn Cao	1936	Minh Tân			D3	800,000	
106	Phạm Huy Tường	1944	Minh Tân			D3	800,000	
107	Phạm Quốc Thọ	1949	Minh Tân			D3	800,000	
108	Phạm Công Quảng	1945	Minh Tân			D3	800,000	
109	Nguyễn Văn Tài	1944	Đỗ Xuyên			D3	800,000	
110	Vũ Đình Trọng	1949	Đỗ Xuyên			D3	800,000	
111	Đào Thị Lựu	1945	Đỗ Xuyên			D3	800,000	
112	Vũ Văn Khương	1944	Đỗ Xuyên			D3	800,000	
113	Nguyễn Thị Nhung	1944	Đỗ Xuyên			D3	800,000	
114	Phạm Văn Thái	1943	Đỗ Xuyên			D3	800,000	
115	Vũ Thị Thiã	1924	Đỗ Xuyên			D3	800,000	
116	Nguyễn Công Quý	1941	Đông Hào			D3	800,000	
117	Nguyễn Trọng Khởi	1947	Đông Hào			D3	800,000	
118	Phạm Công Nhẫn	1942	Đông Hào			D3	800,000	
119	Nguyễn Văn Chuế	1931	Đông Hào			D3	800,000	
120	Phạm Thị Gôm	1945	Đông Hào			D3	800,000	
121	Nguyễn Văn Quón	1947	Đông Hào			D3	800,000	
VI	Nhóm D4 = 131							
1	Nguyễn Đức Khải	1955	Cầu Lâm			D4	700,000	
2	Nguyễn Đức Tại	1948	Cầu Lâm			D4	700,000	
3	Phạm Thị Lượng	1953	Cầu Lâm			D4	700,000	
4	Hoàng Thanh Cúc	1950	Cầu Lâm			D4	700,000	
5	Hoàng Đình Tiếp	1948	Cầu Lâm			D4	700,000	
6	Nguyễn Đức Mệnh	1954	Cầu Lâm			D4	700,000	
7	Nguyễn Bá Đức	1956	Quang Bị			D4	700,000	
8	Đỗ Văn Hội	1961	Quang Bị			D4	700,000	
9	Nguyễn Văn Lửa	1950	Quang Bị			D4	700,000	
10	Dương Đình Văn	1949	Quang Bị			D4	700,000	
11	Vũ Mạnh Tiến	1956	Côi Thượng			D4	700,000	
12	Phạm Xuân Yên	1950	Côi Thượng			D4	700,000	

13	Phạm Văn Vũ	1957	Côi Thượng			D4	700,000	
14	Ngô Văn Hoè	1957	Côi Hạ			D4	700,000	
15	Phạm Văn Báo	1956	Nam Cầu 1			D4	700,000	
16	Hoàng Văn Vui	1946	Nam Cầu 1			D4	700,000	
17	Nguyễn Minh Kết	1952	Nam Cầu 2			D4	700,000	
18	Nguyễn Thái Nhật	1955	Nam Cầu 2			D4	700,000	
19	Hoàng Văn Nhuận	1957	Nam Cầu 2			D4	700,000	
20	Nguyễn Xuân Tiếp	1950	Nam Cầu 2			D4	700,000	
21	Nguyễn Văn Trinh	1960	Nam Cầu 2			D4	700,000	
22	Phùng Đình Vân	1954	Nam Cầu 2			D4	700,000	
23	Hoàng Văn Lượng	1956	Cao Duệ			D4	700,000	
24	Nguyễn Thị Nụ	1955	Cao Duệ			D4	700,000	
25	Phạm Doanh Mai	1958	Cao Duệ			D4	700,000	
26	Hoàng Văn Thành	1946	Cao Duệ			D4	700,000	
27	Đào Duy Bốn	1954	Cao Duệ			D4	700,000	
28	Đỗ Văn Nhữ	1954	Cao Duệ			D4	700,000	
29	Đỗ Tiến Tại	1956	Cao Duệ			D4	700,000	
30	Hoà Quang Mùi	1954	Cao Duệ			D4	700,000	
31	Đoàn Văn Hai	1954	Cao Duệ			D4	700,000	
32	Phạm Thanh Chi	1954	Cao Duệ			D4	700,000	
33	Đoàn Thị Nhữ	1952	Cao Duệ			D4	700,000	
34	Ngô Văn Hương	1955	Cao Duệ			D4	700,000	
35	Đoàn Văn Ba	1953	Cao Duệ			D4	700,000	
36	Nguyễn Thị Len	1959	Cao Duệ			D4	700,000	
37	Vũ Trung Kiên	1952	Cao Duệ			D4	700,000	
38	Đào Văn Hoàn	1940	Cao Duệ			D4	700,000	
39	Đặng Thị Hường	1955	Cao Duệ			D4	700,000	
40	Phan Thanh Hòa	1958	Thị Đức			D4	700,000	
41	Nguyễn Trọng Tước	1958	Thị Đức			D4	700,000	
42	Nguyễn Thị Thắng	1960	Thị Đức			D4	700,000	
43	Trương Đình Phòng	1955	An Thụ			D4	700,000	
44	Đỗ Xuân Chính	1956	An Thụ			D4	700,000	
45	Trương Đình hy	1956	An Thụ			D4	700,000	
46	Vũ Thanh Nha	1952	An Thụ			D4	700,000	
47	Vũ mạnh Thường	1950	An Thụ			D4	700,000	
48	Vũ Đình Thị	1951	An Thụ			D4	700,000	
49	Trương Xuân Tuyển	1952	An Thụ			D4	700,000	
50	Nguyễn Quốc Thời	1956	An Thụ			D4	700,000	

51	Vũ Thanh Doan	1954	An Thư			D4	700,000	
52	Trương Đức Tàu	1960	An Thư			D4	700,000	
53	Vũ Quang Học	1956	An Thư			D4	700,000	
54	Trương Thanh nam	1955	An Thư			D4	700,000	
55	Tạ Thị Miên	1948	Vĩnh Duệ			D4	700,000	
56	Phạm Lương Thiện	1939	Quang Tiền			D4	700,000	
57	Nguyễn Văn Khắc	1953	An Thư			D4	700,000	
58	Nguyễn Văn Tiềm	1955	An Thư			D4	700,000	
59	Nguyễn Văn Thà	1956	An Thư			D4	700,000	
60	Nguyễn Văn Càng	1946	An Thư			D4	700,000	
61	Đỗ Thành Nghiệm	1949	Đông Thượng			D4	700,000	
62	Vũ Thị Thảng	1950	Đông Thượng			D4	700,000	
63	Trần Quốc Phong	1954	An Cư 1			D4	700,000	
64	Phạm Thị Nụ	1957	An Cư 1			D4	700,000	
65	Trần Văn Ánh	1949	An Cư 1			D4	700,000	
66	Phạm Đăng Sinh	1958	An Cư 2			D4	700,000	
67	Phạm Bá Quang	1947	An Cư 2			D4	700,000	
68	Nguyễn Văn Lý	1952	An Cư 2			D4	700,000	
69	Trần Văn Bin	1955	An Cư 2			D4	700,000	
70	Phạm Thanh Bình	1947	An Cư 2			D4	700,000	
71	Phạm Cao Sơn	1957	An Cư 2			D4	700,000	
72	Phạm Đăng Tú	1952	An Cư 2			D4	700,000	
73	Phạm Văn Động	1950	An Cư 2			D4	700,000	
74	Phạm Quý Thụy	1949	An Cư 2			D4	700,000	
75	Phạm Văn Ngo	1950	An Cư 2			D4	700,000	
76	Trần Văn Quân	1955	An Cư 2			D4	700,000	
77	Phạm Văn Thú	1955	An Cư 2			D4	700,000	
78	Phạm Đăng Sênh	1954	An Cư 2			D4	700,000	
79	Phạm Quý Quang	1949	An Cư 2			D4	700,000	
80	Nguyễn Hữu Bất	1955	An Vệ			D4	700,000	
81	Nguyễn Xuân Ngừng	1948	An Vệ			D4	700,000	
82	Vũ Văn Trang	1952	An Vệ			D4	700,000	
83	Nguyễn Văn Hồng	1950	An Vệ			D4	700,000	
84	Đinh Văn Vui	1960	Thọ Xương			D4	700,000	
85	Trần Văn Tám	1955	Thọ Xương			D4	700,000	
86	Đinh Văn Khả	1936	Thọ Xương			D4	700,000	
87	Nguyễn Văn Lưỡng	1950	Thọ Xương			D4	700,000	
88	Đinh Quang Đạo	1953	Thọ Xương			D4	700,000	

89	Phạm Văn Vui	1954	Thọ Xương			D4	700,000	
90	Phạm Văn Thấu	1960	Hậu Bông			D4	700,000	
91	Phạm Văn Ngõa	1950	Hậu Bông			D4	700,000	
92	Nguyễn Thị Thảo	1948	Hậu Bông			D4	700,000	
93	Phạm Văn Ngát	1954	Hậu Bông			D4	700,000	
94	Phạm Ngọc Thạch	1958	Hậu Bông			D4	700,000	
95	Phạm Văn Ôn	1954	Hậu Bông			D4	700,000	
96	Phạm Thị Dầy	1960	Hậu Bông			D4	700,000	
97	Phạm Quốc Biên	1955	Hậu Bông			D4	700,000	
98	Phạm Văn Kiên	1936	Minh Tân			D4	700,000	
99	Nguyễn Thị Mai	1952	Minh Tân			D4	700,000	
100	Phạm Văn Tiến	1950	Minh Tân			D4	700,000	
101	Vũ Đình Đường	1956	Đỗ Xuyên			D4	700,000	
102	Bùi Xuân Mậu	1953	Đỗ Xuyên			D4	700,000	
103	Trần Văn Sùng	1951	Đỗ Xuyên			D4	700,000	
104	Lê Xuân Thu	1954	Đông Hào			D4	700,000	
105	Bùi Văn Nhật	1947	Đông Cầu			D4	700,000	
	Nguyễn Tiến Dũng	1960	Đôn Thư			D4	700,000	
VII	Nhóm D5 = 291							
1	Nguyễn Thế Bằng	1963	Cầu Lâm			D5	600,000	
2	Nguyễn Thiện Du	1961	Cầu Lâm			D5	600,000	
3	Nguyễn Thị Viện	1968	Cầu Lâm			D5	600,000	
4	Nguyễn Thị Tâm	1958	Cầu Lâm			D5	600,000	
5	Nguyễn Thiện Khoa	1965	Cầu Lâm			D5	600,000	
6	Nguyễn Đức Thạch	1968	Cầu Lâm			D5	600,000	
7	Phạm Bá Hạnh	1961	Cầu Lâm			D5	600,000	
8	Nguyễn Thanh Thơm	1957	Cầu Lâm			D5	600,000	
9	Phạm Thị Tuấn	1960	Cầu Lâm			D5	600,000	
10	Phạm Xuân Trường	1963	Cầu Lâm			D5	600,000	
11	Nguyễn Mạnh Hùng	1964	Cầu Lâm			D5	600,000	
12	Nguyễn Đức Toàn	1965	Cầu Lâm			D5	600,000	
13	Nguyễn Đức Chiến	1968	Cầu Lâm			D5	600,000	
14	Nguyễn Thiện Đoan	1958	Cầu Lâm			D5	600,000	
15	Nguyễn Thế Tuấn	1948	Quang Bị			D5	600,000	
16	Dương Đình Thức	1964	Quang Bị			D5	600,000	
17	Dương Đình Sức	1966	Quang Bị			D5	600,000	
18	Đỗ Đức Thực	1966	Quang Bị			D5	600,000	
19	Dương Đình Báu	1954	Quang Bị			D5	600,000	

20	Nguyễn Văn Chinh	1968	Quang Bị			D5	600,000	
21	Dương Đình Quỳ	1957	Quang Bị			D5	600,000	
22	Nguyễn Thị Hồng	1952	Quang Bị			D5	600,000	
23	Nguyễn Văn Lê	1963	Quang Bị			D5	600,000	
24	Đỗ Văn Trọng	1974	Quang Bị			D5	600,000	
25	Dương Đình Cương	1961	Quang Bị			D5	600,000	
26	Nguyễn Đức Học	1969	Côi Thượng			D5	600,000	
27	Vũ Tiến Mạnh	1960	Côi Thượng			D5	600,000	
28	Nguyễn Hữu Tú	1967	Côi Thượng			D5	600,000	
29	Vũ Trường Giang	1963	Côi Thượng			D5	600,000	
30	Phạm Văn Toản	1960	Côi Thượng			D5	600,000	
31	Vũ Duy Tập	1969	Côi Thượng			D5	600,000	
32	Nguyễn Việt Toán	1971	Côi Hạ			D5	600,000	
33	Nguyễn Văn Nga	1961	Côi Hạ			D5	600,000	
34	Phạm Thị Thửa	1959	Côi Hạ			D5	600,000	
35	Nguyễn Duy Sinh	1964	Côi Hạ			D5	600,000	
36	Nguyễn Đình Phan	1969	Côi Hạ			D5	600,000	
37	Đào Văn Quyết	1960	Côi Hạ			D5	600,000	
38	Nguyễn Thị Cương	1962	Nam Cầu 1			D5	600,000	
39	Trần Quang Thâm	1963	Nam Cầu 1			D5	600,000	
40	Trần Quang Phẩm	1957	Nam Cầu 1			D5	600,000	
41	Hoàng Văn Hoàn	1960	Nam Cầu 1			D5	600,000	
42	Hoàng Xuân Thứ	1966	Nam Cầu 1			D5	600,000	
43	Hoàng Văn Thôn	1961	Nam Cầu 1			D5	600,000	
44	Hoàng Văn Thiết	1964	Nam Cầu 1			D5	600,000	
45	Trần Văn Tài	1965	Nam Cầu 1			D5	600,000	
46	Hoàng Văn Cao	1968	Nam Cầu 1			D5	600,000	
47	Nguyễn Văn Xây	1963	Nam Cầu 1			D5	600,000	
48	Hoàng Văn Thạch	1965	Nam Cầu 1			D5	600,000	
49	Nguyễn Văn Triệu	1958	Nam Cầu 1			D5	600,000	
50	Hoàng Văn Thoan	1960	Nam Cầu 1			D5	600,000	
51	Hoàng Văn Quy	1957	Nam Cầu 1			D5	600,000	
52	Hoàng Đức Nghĩa	1964	Nam Cầu 1			D5	600,000	
53	Đặng Văn Cát	1956	Nam Cầu 1			D5	600,000	
54	Phạm Bá Đăng	1968	Nam Cầu 1			D5	600,000	
55	Nguyễn Văn Thành	1960	Nam Cầu 1			D5	600,000	
56	Đào Ngọc Hiền	1963	Nam Cầu 1			D5	600,000	
57	Trần Văn Quýt	1958	Nam Cầu 1			D5	600,000	

58	Trần Quang Tháp	1966	Nam Cầu 1			D5	600,000	
59	Trần Minh Nguyễn	1967	Nam Cầu 1			D5	600,000	
60	Phùng Đức Thiện	1960	Nam Cầu 1			D5	600,000	
61	Hoàng Trọng Đoan	1960	Nam Cầu 1			D5	600,000	
62	Hoàng Văn Trường	1955	Nam Cầu 2			D5	600,000	
63	Nguyễn Thị Na	1957	Nam Cầu 2			D5	600,000	
64	Phùng Danh Thóc	1974	Nam Cầu 2			D5	600,000	
65	Hoàng Văn Thu	1956	Nam Cầu 2			D5	600,000	
66	Hoàng Văn Lừng	1965	Nam Cầu 2			D5	600,000	
67	Hoàng Văn Thoan	1962	Nam Cầu 2			D5	600,000	
68	Hoàng Văn Viên	1963	Nam Cầu 2			D5	600,000	
69	Trịnh Thị Hương	1958	Nam Cầu 2			D5	600,000	
70	Phùng Danh Thâu	1966	Nam Cầu 2			D5	600,000	
71	Phùng Văn Dụng	1962	Nam Cầu 2			D5	600,000	
72	Phùng Danh Đồi	1964	Nam Cầu 2			D5	600,000	
73	Hoàng Bá Vũ	1965	Nam Cầu 2			D5	600,000	
74	Phùng Danh Phước	1961	Nam Cầu 2			D5	600,000	
75	Phùng Danh Thuận	1966	Nam Cầu 2			D5	600,000	
76	Nguyễn Văn Tuynh	1956	Nam Cầu 2			D5	600,000	
77	Trần Quang Hóa	1960	Nam Cầu 2			D5	600,000	
78	Phùng Công Dũng	1955	Nam Cầu 2			D5	600,000	
79	Hoàng Thị Luyến	1955	Đông Thượng			D5	600,000	
80	Phùng Danh Thang	1964	Đông Thượng			D5	600,000	
81	Phùng Thanh Mừng	1967	Đông Thượng			D5	600,000	
82	Phùng Danh Út	1957	Đông Thượng			D5	600,000	
83	Đỗ Đức Thiện	1970	Cao Duệ			D5	600,000	
84	Mai Xuân Đắc	1947	Cao Duệ			D5	600,000	
85	Trần Thị Mây	1973	Cao Duệ			D5	600,000	
86	Vũ Thị Huệ	1950	Cao Duệ			D5	600,000	
87	Phạm Văn Thọ	1950	Cao Duệ			D5	600,000	
88	Đoàn Quang Thuận	1963	Cao Duệ			D5	600,000	
89	Ngô Văn Kép	1962	Cao Duệ			D5	600,000	
90	Đoàn Văn Đạt	1959	Cao Duệ			D5	600,000	
91	Hoàng Thị Trang	1963	Cao Duệ			D5	600,000	
92	Nguyễn Thị Văn	1952	Cao Duệ			D5	600,000	
93	Vũ Thị Huệ	1969	Cao Duệ			D5	600,000	
94	Phạm Văn Lương	1969	Cao Duệ			D5	600,000	
95	Đào Huy Cường	1960	Cao Duệ			D5	600,000	

96	Đoàn Văn Hiền	1964	Cao Duệ			D5	600,000	
97	Nguyễn Văn Dúp	1962	Cao Duệ			D5	600,000	
98	Nguyễn Văn Tám	1958	Cao Duệ			D5	600,000	
99	Phạm Văn Vệ	1962	Cao Duệ			D5	600,000	
100	Đào Văn Thát	1961	Cao Duệ			D5	600,000	
101	Nguyễn Thị Sâm	1967	Cao Duệ			D5	600,000	
102	Nguyễn Văn Đỗ	1954	Cao Duệ			D5	600,000	
103	Nguyễn Văn Hiến	1947	Cao Duệ			D5	600,000	
104	Đỗ Thị Gấm	1970	Cao Duệ			D5	600,000	
105	Nguyễn Thị Huệ	1968	Cao Duệ			D5	600,000	
106	Đỗ Văn Lương	1962	Cao Duệ			D5	600,000	
107	Lê Văn Vượng	1962	Cao Duệ			D5	600,000	
108	Ngô Văn Yên	1963	Cao Duệ			D5	600,000	
109	Phạm Văn Quý	1963	Cao Duệ			D5	600,000	
110	Nguyễn Thị Nghiệp	1964	Cao Duệ			D5	600,000	
111	Phạm Văn Thành	1960	Cao Duệ			D5	600,000	
112	Nguyễn Xuân Lương	1964	Cao Duệ			D5	600,000	
113	Nguyễn Văn Phần	1958	Cao Duệ			D5	600,000	
114	Mai Văn Tuấn	1963	Cao Duệ			D5	600,000	
115	Đỗ Văn Toàn	1965	Cao Duệ			D5	600,000	
116	Mai Xuân Liễu	1964	Cao Duệ			D5	600,000	
117	Đỗ Thị Luyện	1956	Cao Duệ			D5	600,000	
118	Đỗ Thị Hồi	1968	Cao Duệ			D5	600,000	
119	Nguyễn Văn Hưng	1970	Cao Duệ			D5	600,000	
120	Nguyễn Văn Trường	1954	Thị Đức			D5	600,000	
121	Nguyễn Thị Huệ	1964	Thị Đức			D5	600,000	
122	Nguyễn Hữu Lịch	1964	Thị Đức			D5	600,000	
123	Hoàng Văn Túy	1969	Thị Đức			D5	600,000	
124	Phạm Thị Miên	1960	Thị Đức			D5	600,000	
125	Nguyễn Lương Đào	1954	Đôn Thư			D5	600,000	
126	Nguyễn Văn mai	1960	Đôn Thư			D5	600,000	
127	Hoàng Thanh Hải	1960	Đôn Thư			D5	600,000	
128	Nguyễn Thị Thu	1968	Đôn Thư			D5	600,000	
129	Nguyễn Thị Quế	1966	Đôn Thư			D5	600,000	
130	Trương Đình Đựng	1960	An Thư			D5	600,000	
131	Nguyễn Thị Hương	1966	An Thư			D5	600,000	
132	Vũ Quang Tạo	1968	An Thư			D5	600,000	
133	Bùi Văn Hạnh	1958	An Thư			D5	600,000	

134	Trương Thị Lương	1968	An Thư			D5	600,000	
135	Nguyễn Minh Đặng	1972	An Thư			D5	600,000	
136	Trần Công Xanh	1958	An Thư			D5	600,000	
137	Hoàng Minh An	1965	An Thư			D5	600,000	
138	Trương Xuân Cảnh	1963	An Thư			D5	600,000	
139	Vũ Văn Bốn	1960	An Thư			D5	600,000	
140	Nguyễn Đức Tạo	1957	Vĩnh Duệ			D5	600,000	
141	Nguyễn Duy Xuyên	1954	Vĩnh Duệ			D5	600,000	
142	Bùi Văn Thuận	1953	Quang Tiên			D5	600,000	
143	Phạm Văn Phương	1956	Quang Tiên			D5	600,000	
144	Bùi Văn Vũ	1968	Quang Tiên			D5	600,000	
145	Đỗ Xuân Cộg	1963	Quang Tiên			D5	600,000	
146	Đỗ Đức Ngừng	1956	Quang Tiên			D5	600,000	
147	Nguyễn Văn Trung	1968	Quang Tiên			D5	600,000	
148	Phạm Tuấn Thủy	1966	Quang Tiên			D5	600,000	
149	Trịnh Quang Thái	1967	Đông Trại			D5	600,000	
150	Phan Tiến Đạo	1963	Đông Trại			D5	600,000	
151	Nguyễn Trọng Liên	1963	Đông Trại			D5	600,000	
152	Nguyễn Văn Đậu	1955	Đông Trại			D5	600,000	
153	Nguyễn Văn Dưỡng	1959	Đông Trại			D5	600,000	
154	Vũ Thị Đồng	1962	Đông Trại			D5	600,000	
155	Nguyễn Đức Hùng	1970	Đông Trại			D5	600,000	
156	Nguyễn Văn Đậu	1959	Đông Trại			D5	600,000	
157	Trần Thị Thắng	1954	Đông Trại			D5	600,000	
158	Bùi Ngọc Sứ	1973	Đông Hạ			D5	600,000	
159	Nguyễn Xuân Thiều	1952	Đông Hạ			D5	600,000	
160	Nguyễn Văn Cơ	1964	Đông Hạ			D5	600,000	
161	Nguyễn Thị Liễu	1961	Đông Hạ			D5	600,000	
162	Phạm Thị Huệ	1958	Đông Thượng			D5	600,000	
163	Phạm Thị Khiêu	1960	Đông Thượng			D5	600,000	
164	Trần Thị Phó	1956	Đông Thượng			D5	600,000	
165	Đỗ Thanh Ngà	1957	Đông Thượng			D5	600,000	
166	Lê Ngọc Lựu	1963	Đông Thượng			D5	600,000	
167	Đỗ Văn Chùng	1944	Đông Thượng			D5	600,000	
168	Nguyễn Thị Cảnh	1960	Đông Thượng			D5	600,000	
169	Nguyễn Diên An	1948	Đông Thượng			D5	600,000	
170	Phạm Đức Tổ	1944	An Cư 1			D5	600,000	
171	Nguyễn Xuân Đậu	1956	An Cư 1			D5	600,000	

172	Phạm Văn Sao	1960	An Cư 1			D5	600,000	
173	Vũ Minh Đốc	1948	An Cư 1			D5	600,000	
174	Nguyễn Vũ Tốt	1964	An Cư 1			D5	600,000	
175	Nguyễn Văn Thuận	1962	An Cư 1			D5	600,000	
176	Nguyễn Văn Hải	1949	An Cư 1			D5	600,000	
177	Phạm Đăng Hoan	1943	An Cư 1			D5	600,000	
178	Phạm Đắc Huyền	1954	An Cư 1			D5	600,000	
179	Phạm Đăng Hương	1959	An Cư 1			D5	600,000	
180	Vũ Xuân Xã	1965	An Cư 1			D5	600,000	
181	Nguyễn Văn Sang	1965	An Cư 1			D5	600,000	
182	Phạm Quang Kiểu	1965	An Cư 1			D5	600,000	
183	Bùi Thị Hiệp	1957	An Cư 1			D5	600,000	
184	Trần Quang Việt	1963	An Cư 1			D5	600,000	
185	Trần Văn Tước	1958	An Cư 1			D5	600,000	
186	Phạm Văn Tuấn	1959	An Cư 1			D5	600,000	
187	Phạm Đăng Vũ	1960	An Cư 2			D5	600,000	
188	Phạm Đăng Thâm	1970	An Cư 2			D5	600,000	
189	Phạm Văn Kiều	1968	An Cư 2			D5	600,000	
190	Phạm Bá Tân	1963	An Cư 2			D5	600,000	
191	Trần Văn Dũng	1958	An Cư 2			D5	600,000	
192	Phạm Thị Noi	1966	An Cư 2			D5	600,000	
193	Đỗ Trọng Tuệ	1955	An Cư 2			D5	600,000	
194	Phạm Văn Tác	1952	An Cư 2			D5	600,000	
195	Phạm Văn Tuyên	1953	An Vệ			D5	600,000	
196	Phạm Văn Minh	1965	An Vệ			D5	600,000	
197	Bùi Thị Kỳ	1956	An Vệ			D5	600,000	
198	Nguyễn Văn Nhạn	1964	An Vệ			D5	600,000	
199	Nguyễn Văn Phận	1958	An Vệ			D5	600,000	
200	Phạm Thị Chốt	1964	An Vệ			D5	600,000	
201	Phạm Thanh Xuân	1958	An Vệ			D5	600,000	
202	Vũ Ngọc Vẻ	1948	An Vệ			D5	600,000	
203	Vũ Ngọc Vinh	1955	An Vệ			D5	600,000	
204	Nguyễn Văn Mong	1964	An Vệ			D5	600,000	
205	Đinh Văn Vở	1964	Thọ Xương			D5	600,000	
206	Phạm Ngọc Liệu	1962	Thọ Xương			D5	600,000	
207	Phạm Quốc Diên	1949	Hậu Bông			D5	600,000	
208	Phạm Văn Khôi	1966	Hậu Bông			D5	600,000	
209	Phạm Văn Thụy	1961	Hậu Bông			D5	600,000	

210	Phạm Xuân Phùng	1964	Hậu Bông			D5	600,000	
211	Phạm Văn Anh	1962	Hậu Bông			D5	600,000	
212	Phạm Duy Thiệu	1961	Hậu Bông			D5	600,000	
213	Phạm Văn Huy	1960	Hậu Bông			D5	600,000	
214	Phạm Thị Ngoan	1969	Hậu Bông			D5	600,000	
215	Phạm Văn Xây	1961	Hậu Bông			D5	600,000	
216	Phạm Văn Quỳnh	1963	Hậu Bông			D5	600,000	
217	Phạm Văn Khoáng	1972	Hậu Bông			D5	600,000	
218	Phạm Thanh Nhơn	1955	Hậu Bông			D5	600,000	
219	Vũ Thị Hằng	1958	Hậu Bông			D5	600,000	
220	Nguyễn Thị Bằng	1957	Hậu Bông			D5	600,000	
221	Nguyễn Hoài Bắc	1957	Minh Tân			D5	600,000	
222	Bùi Tiến Thắng	1959	Minh Tân			D5	600,000	
223	Bùi Thị Xuân	1955	Minh Tân			D5	600,000	
224	Phạm Thanh Nghi	1968	Minh Tân			D5	600,000	
225	Vũ Thị Thuý Bình	1948	Minh Tân			D5	600,000	
226	Phạm Thị Hoa	1960	Minh Tân			D5	600,000	
227	Nguyễn Văn Thìn	1963	Minh Tân			D5	600,000	
228	Nguyễn Trọng Trú	1964	Minh Tân			D5	600,000	
229	Phạm Văn Bùng	1966	Minh Tân			D5	600,000	
230	Nguyễn Thị Viu	1954	Minh Tân			D5	600,000	
231	Phạm Thị Thu	1959	Minh Tân			D5	600,000	
232	Phạm Văn Khởi	1964	Minh Tân			D5	600,000	
233	Phạm Quốc Chiêm	1954	Minh Tân			D5	600,000	
234	Vũ Văn Trạ	1963	Minh Tân			D5	600,000	
235	Phạm Công Vận	1962	Minh Tân			D5	600,000	
236	Phạm Văn Hỷ	1961	Minh Tân			D5	600,000	
237	Phạm Thanh Phúc	1960	Minh Tân			D5	600,000	
238	Nguyễn Thị Tài	1952	Đỗ Xuyên			D5	600,000	
239	Phạm Thị Hòa	1956	Đỗ Xuyên			D5	600,000	
240	Nguyễn Văn Linh	1957	Đỗ Xuyên			D5	600,000	
241	Tạ Quang Mừng	1962	Đỗ Xuyên			D5	600,000	
242	Vũ Đình Chì	1959	Đỗ Xuyên			D5	600,000	
243	Tạ Quang Điều	1961	Đỗ Xuyên			D5	600,000	
244	Vũ Đình Can	1949	Đỗ Xuyên			D5	600,000	
245	Vũ Đình Bông	1945	Đỗ Xuyên			D5	600,000	
246	Phạm Tiến Cường	1961	Đông Hào			D5	600,000	
247	Nguyễn Thị Lân	1961	Đông Hào			D5	600,000	

248	Phạm Tiến Phác	1949	Đông Hào			D5	600,000		
249	Hồ Đình Khôi	1968	Đông Hào			D5	600,000		
250	Nguyễn Công Chiêu	1954	Đông Hào			D5	600,000		
251	Hồ Duy Đón	1964	Đông Hào			D5	600,000		
252	Nguyễn Văn Biên	1955	Đông Hào			D5	600,000		
253	Phạm Duy Nhất	1958	Đông Hào			D5	600,000		
254	Vũ Xuân Thế	1961	Đông Cầu			D5	600,000		
255	Vũ Văn Doãn	1960	Đông Cầu			D5	600,000		
256	Phạm Văn Thuận	1962	Đông Cầu			D5	600,000		
257	Vũ Xuân Quyện	1966	Đông Cầu			D5	600,000		
258	Đình Văn Khải	1963	Đông Cầu			D5	600,000		
259	Vũ Văn Quỳnh	1960	Đông Cầu			D5	600,000		
260	Đình Văn Hiếu	1967	Đông Cầu			D5	600,000		
261	Nguyễn Văn Chất	1964	Đông Cầu			D5	600,000		
262	Vũ Khắc Thập	1958	Đông Cầu			D5	600,000		
	Cộng							358,850,000	

